

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 62/2020/DS-PT
Ngày: 13-5-2020
V/v tranh chấp hợp đồng góp
hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn.

Các Thẩm phán: Ông Lâm Văn Be;

Bà Phạm Thị Hồng Vân.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đỗ Huy Phong - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:* Bà Huỳnh Thị Mộng Thúy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2020/TLPT-DS ngày 02 tháng 01 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 89/2019/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 57/2020/QĐXXPT-DS ngày 24 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà NNH, sinh năm 1951; địa chỉ: Tổ 11, Ấp 2, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà NNH: Bà ĐTM, sinh năm 1962; địa chỉ: Tổ 4, Ấp 4, xã D, huyện C, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 28-02-2020), vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà TTND, sinh năm 1963; địa chỉ: Tổ 11, Ấp 2, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà TTND.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà NNH trình bày:

Bà tham gia hụi do bà TTND làm chủ hụi, dây hụi 5.000.000 đồng/tháng, hụi khai năm 2007, mỗi tháng khai 01 lần, gồm 22 phần. Bà tham gia 01 phần, lĩnh hụi kỳ 22, số tiền hụi được lĩnh là 107.500.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi lĩnh hụi bà Đ không giao tiền hụi cho bà, bà có đòi tiền nhiều lần thì bà Đ trả được số tiền

65.000.000 đồng, còn nợ 42.500.000 đồng. Bà yêu cầu bà Đ trả số tiền hụi còn thiếu 42.500.000 đồng và tiền lãi là 11.150.250 đồng.

Bà H thừa nhận bà Đ đã trả được số tiền 67.000.000 đồng nên ngày 02-8-2019 và ngày 24-9-2018 bà H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ hụi 2.000.000 đồng, chỉ yêu cầu trả 40.500.000 đồng và xin rút yêu cầu tính tiền lãi 11.150.250 đồng.

Bị đơn bà TTND trình bày:

Bà thừa nhận có làm chủ hụi và bà H có tham gia dây hụi 5.000.000 đồng/tháng, dây hụi khai thời gian nào bà không nhớ nhưng bị bẻ hụi năm 2011. Sổ hụi đã bị bà làm thất lạc không tìm thấy, giấy hụi do bà H cung cấp không phải do bà giao cho bà H, giấy hụi là năm 2014 nhưng bà đã trả hết tiền năm 2011. Bà thừa nhận bà H lĩnh hụi được 107.500.000 đồng, bà không trả tiền lĩnh hụi một lần cho bà H mà trả góp hàng tháng được số tiền 67.000.000 đồng có ký nhận của bà H. Số tiền còn nợ lại là 40.500.000 đồng thì chồng bà là ông DTP đã trả xong cho bà H, bà không biết ông P trả khi nào, trả ở đâu vì khi trả tiền bà không có mặt, nhưng sau khi trả xong tiền đã lấy lại giấy nợ 107.500.000 đồng và hủy bỏ (ông P chồng bà đã chết năm 2018). Vì vậy bà không đồng ý trả cho bà H số tiền 40.500.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 89/2019/DS-ST ngày 26-9-2019 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tuyên xử:

Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà NNH đối với bà TTND.

Buộc bà TTND có nghĩa vụ trả cho bà NNH số tiền nợ hụi 40.500.000 đồng. Ghi nhận bà H không yêu cầu tính lãi.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11-12-2019, bị đơn bà TTND có đơn kháng cáo không đồng ý trả cho bà NNH số tiền 40.500.000 đồng.

Tại cấp phúc thẩm, các đương sự không cung cấp chứng cứ gì mới, không tự thỏa thuận được vấn đề giải quyết vụ án.

Tại phiên Tòa phúc thẩm bị đơn bà TTND trình bày: Bà giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý trả cho bà NNH số tiền nợ hụi 40.500.000 đồng vì chồng bà là ông P đã trả xong cho bà H.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các thẩm phán tham gia phiên tòa và thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định về thủ tục xét xử phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm tại phiên tòa, Tòa án và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Không chấp nhận kháng cáo của bà TTND.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 89/2019/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2019, của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà TTND làm đúng theo mẫu, đầy đủ nội dung, trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí là hợp lệ về hình thức.

Nguyên đơn bà NNH vắng mặt, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà ĐTM vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà NNH và bà ĐTM.

[2] Xét kháng cáo của bà TTND thấy rằng:

Nguyên đơn bà NNH khởi kiện yêu cầu bà TTND trả số tiền nợ hui còn nợ là 40.500.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Đ thừa nhận có nợ bà H 107.500.000 đồng tiền nợ hui, bà đã trả góp hàng tháng cho bà Đ được số tiền 67.000.000 đồng có ký nhận của bà H. Số tiền còn lại 40.500.000 đồng thì chồng bà là ông P đã trả xong cho bà H, bà không biết ông P trả khi nào, trả ở đâu vì khi trả tiền bà không có mặt, nhưng sau khi trả xong tiền đã lấy lại giấy nợ 107.500.000 đồng và hủy bỏ (ông P chồng bà đã chết năm 2018).

Bà H không thừa nhận bà Đ đã trả xong nợ, chỉ thừa nhận bà Đ đã trả góp được số tiền 67.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 40.500.000 đồng, không thừa nhận chồng bà Đ là ông P đã trả xong số tiền 40.500.000 đồng.

Xét thấy, bà H và bà Đ đều thừa nhận tiền hui bà H hốt được là 107.500.000 đồng. Do bà Đ không có tiền trả một lần nên hai bên thống nhất chia ra trả nhiều lần và bà Đ đã trả được số tiền 67.000.000 đồng, sau đó bà H và bà Đ thống nhất tiền nợ còn lại là 40.500.000 đồng.

Hai bên tranh chấp số tiền 40.500.000 đồng, bà Đ cho rằng chồng bà là ông P đã trả nợ xong cho bà H lấy lại giấy ghi nợ hui 107.500.000 đồng và hủy bỏ. Bà H không đồng ý, cung cấp giấy ghi tính hui (BL22) số tiền 107.500.000 đồng do bà Đ viết, xuất trình giấy ghi các lần bà Đ trả tiền nợ hui (BL21) có bà Đ ký tên được tổng số tiền 67.000.000 đồng.

Ngoài lời trình bày của mình, bà Đ không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc đã trả xong số tiền nợ hụi 107.500.000 đồng, không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông P đã trả số tiền 40.500.000 đồng cho bà H, chỉ có chứng cứ chứng minh đã trả được số tiền 67.000.000 đồng. Nên lời trình bày của bà Đ đã trả hết tiền nợ hụi 107.500.000 đồng cho bà H là không có cơ sở.

Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H đối với bà Đ, buộc bà Đ có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền nợ hụi 40.500.000 đồng là có căn cứ.

Bà Đ kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do không chấp nhận kháng cáo nên bà Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà TTND.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 89/2019/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà NNH về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” đối với bà TTND.

Buộc bà TTND có nghĩa vụ trả cho bà NNH số tiền nợ hụi 40.500.000 đồng (bốn mươi triệu năm trăm nghìn đồng). Ghi nhận bà NNH không yêu cầu tính tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí:

+ Bà TTND phải chịu 2.025.000 đồng (hai triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà TTND phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000147 ngày 11-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh TN;
- TAND h. Tân Châu;
- CCTHADS h. Tân Châu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Sơn